

DANH SÁCH TRẢ THƯỜNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH MỞ THẺ VISA DEBIT, TẶNG 300.000 VNĐ
01/11/2019 - 10/01/2020

STT	Họ và tên	3 chữ số cuối số Tài khoản	3 chữ số cuối số CMT/Hộ chiếu	Số tiền hoàn
1	NAKATANI KEIGO	935	797	300,000
2	NGUYEN THANH	251	842	300,000
3	NGUYEN THANH HAI	141	536	300,000
4	TRAN THI BICH THUY	736	828	300,000
5	NGUYEN THI HAI YEN	838	245	300,000
6	NGUYEN DINH TAN	007	978	300,000
7	PHAN DUC TRI	104	095	300,000
8	TRAN MINH TRANG	476	941	300,000
9	TRUONG THI NHU QUYNH	142	958	300,000
10	NGUYEN THI HUYEN	500	311	300,000
11	TRUONG MY ANH	355	380	300,000
12	VU TU QUYNH	650	192	300,000
13	NGUYEN THAI HA	741	302	300,000
14	TU THI QUYNH	817	843	300,000
15	MAI THI LINH CHI	038	359	300,000
16	NGO TRANG THUY	182	967	300,000
17	TRAN THI DUNG	504	645	300,000
18	TRAN KHANH NINH	235	264	300,000
19	NGUYEN QUOC SON	936	758	300,000
20	LE NU HOANG LINH	318	755	300,000
21	HUYNH THI PHUONG	945	402	300,000
22	LE KHANH PHUONG	642	859	300,000
23	LE TRUONG GIANG	695	897	300,000
24	HUYNH LE NGOC UYEN	524	992	300,000
25	TRINH LE HIEN	598	567	300,000
26	NGUYEN LE DUC HUY	173	180	300,000
27	LE HOANG QUANG	673	658	300,000
28	HE BIN	174	872	300,000
29	CATIPAN MARIA DETSIE TAMBOBOY	744	80B	300,000
30	NGUYEN THI NGOC HAN	010	931	300,000
31	VO THI BICH NGOC	265	220	300,000
32	NGUYEN THI HUONG	394	222	300,000
33	NGUYEN MINH TAM	647	532	300,000
34	NGUYEN PHI PHONG	672	085	300,000
35	NGUYEN VU NHAT HA	756	894	300,000
36	LE THI HOAI THANH	965	305	300,000
37	CHAU THI THUONG	012	709	300,000
38	KIM SINIL	893	713	300,000
39	LE THI THUY HIEN	368	609	300,000
40	NGUYEN VU TAM NHU	247	786	300,000
41	PAUL LEVI CHAMBERS	257	085	300,000
42	ENRIQUE LEYVA	944	570	300,000
43	DUONG HONG THANG	737	381	300,000
44	TRAN CONG THIN	816	313	300,000
45	NGUYEN THI DUYEN	117	657	300,000
46	NGUYEN VIET HOANG	261	114	300,000
47	VO KIM DUYEN	335	838	300,000
48	NGUYEN TRUONG XUAN	678	187	300,000
49	LE THI HUYEN MI	959	044	300,000
50	TRAN NGOC TU TRINH	419	602	300,000

51	BACAY ALADIN BATIQUIN	701	62A	300,000
52	TRAN BICH THAO	430	184	300,000
53	NGUYEN THI HUONG	956	880	300,000
54	TRUONG MINH HUYEN	080	654	300,000
55	DIEP DAI HONG TRUC	442	089	300,000
56	BUI LE THUY KIEU	214	687	300,000
57	NGUYEN THI KIM ANH	758	343	300,000
58	DOAN THI NHU QUYNH	174	335	300,000
59	GELEHA BEEVI	308	857	300,000
60	NGUYEN THI THU HUYEN	206	180	300,000
61	THIEU GIA HOAI	862	044	300,000
62	LE DUY ANH KIET	122	899	300,000
63	TRAN THI KIM THUY	743	011	300,000
64	MAI THI HONG TRANG	725	985	300,000
65	VU THI KIM ANH	535	529	300,000
66	BUI THI LINH THAO	384	153	300,000
67	PHAN THI TUONG VY	689	688	300,000
68	PHAN ANH THI	998	164	300,000
69	BACH PHI DUC	130	486	300,000
70	VO NGUYEN VU PHUONG	725	978	300,000
71	HO DAC HUNG	041	290	300,000
72	HUYNH THI HUONG	313	596	300,000
73	BUI HA DONG	225	516	300,000
74	NGUYEN THI CAM QUYEN	674	565	300,000
75	LE TRAN THANH TUAN	918	144	300,000
76	DO UYEN GIAO	359	033	300,000
77	BUI THI THU THAO	620	324	300,000
78	NGUYEN VAN CONG	302	499	300,000
79	VO ANH HUYEN	968	703	300,000
80	TRAN QUANG HIEN	638	622	300,000
81	MAI MANH THANG	214	158	300,000
82	LE HUU TUYEN	031	974	300,000
83	DO THI MY NA	547	153	300,000
84	LE QUOC VUONG	516	004	300,000
85	DOAN THI DIEP	637	945	300,000
86	GIANG TIEU MY	496	239	300,000
87	CAI ZHI	361	823	300,000
88	PHAN THI TUE HAI	695	342	300,000
89	NGUYEN LE LAN	810	341	300,000
90	TA THI HONG OANH	065	751	300,000
91	LAI THANH NHAN	973	723	300,000
92	TRUONG VINH HUNG	312	196	300,000
93	REBECCA LILLIE BRAMLEY MORJARIA	553	982	300,000
94	DO THI HA	131	873	300,000
95	NGUYEN VAN THIEN	674	020	300,000
96	PHAM LAM DIEN	857	440	300,000
97	VO VAN CONG	959	933	300,000
98	NGUYEN TIEN CONG	753	298	300,000
99	DAO TRAN PHUONG LINH	087	152	300,000
100	TRUONG PHU QUOC	435	685	300,000
101	VO HA DUY	741	002	300,000
102	DANG THI TRANG DAI	779	361	300,000
103	NGUYEN VO PHUC	599	339	300,000
104	NGUYEN HOANG VU	678	484	300,000

105	LE TRAN HOANG VY	728	117	300,000
106	NGUYEN VAN NHAT	616	432	300,000
107	BUI THANH HIEU	464	337	300,000
108	NGUYEN CHUNG THANH	148	521	300,000
109	BUI QUANG NGHI	782	293	300,000
110	NGUYEN THI MAI ANH	786	063	300,000
111	PHAM THI BICH PHUONG	643	087	300,000
112	EDENECIO PATUNOG LLANO	778	14A	300,000
113	TRAN VAN NGA	594	522	300,000
114	NGUYEN MINH NAM	251	422	300,000
115	CAO NHAT SANG	911	824	300,000
116	LE THI HONG DIEM	709	888	300,000
117	NGUYEN PHUONG LAN	611	419	300,000
118	THONG DAC LAN	067	437	300,000
119	NGUYEN THY LAN	149	729	300,000
120	LAM VAN PHONG	185	351	300,000
121	NGUYEN VAN HIEU	144	569	300,000
122	NGUYEN THI TRANG	324	026	300,000
123	VU VAN VINH	117	088	300,000
124	NGUYEN VAN CAP	949	269	300,000
125	PHAM VIET HUNG	458	474	300,000
126	NGUYEN THI BICH LAN	988	445	300,000
127	NGUYEN VAN KHAI	057	926	300,000
128	NGUYEN VAN QUY	818	272	300,000
129	NGUYEN MAI OANH	524	978	300,000
130	NGUYEN THANH TAN	770	501	300,000
131	DAO THI THUAN	898	372	300,000
132	LE HOANG	859	702	300,000
133	TRAN THI THANH PHUONG	315	324	300,000
134	TRAN NGOC CUONG	172	969	300,000
135	PHAM MINH THUY	764	315	300,000
136	MAI THUY TIEN	699	158	300,000
137	VU HUNG SON	442	023	300,000
138	NGUYEN THI ANH HONG	665	103	300,000
139	LE DINH MINH NHAN	535	939	300,000
140	VO TIEN LOC	011	022	300,000
141	LE THI LAM VAN	908	012	300,000
142	DAI DIEP LAN THANH	321	130	300,000
143	PHUNG THI THANH THAO	904	062	300,000
144	DINH VU QUOC DUNG	442	740	300,000
145	LE THANH HAI	696	731	300,000
146	DOAN VAN TIEN	917	319	300,000
147	HUYNH THI TUYET VAN	558	012	300,000
148	VU VAN CUONG	533	532	300,000
149	DO NGOC HUNG	817	203	300,000
150	DAO QUOC NAM	666	498	300,000
151	NGUYEN THANH TRUNG	892	239	300,000
152	DO THI MY LINH	448	737	300,000
153	TRAN KHANH GIANG	131	088	300,000
154	NGUYEN HONG PHUOC	594	290	300,000
155	PHAM HOANG DUY	356	346	300,000
156	NGUYEN VAN HANH	746	192	300,000
157	PHAN CHI BAO	964	126	300,000

158	TRAN DONG HAI	984	601	300,000
159	HUYNH NGOC TUAN	733	716	300,000
160	NGUYEN THI HAI YEN	206	793	300,000
161	LUU THI DUNG	818	023	300,000
162	DANG THI MY	679	074	300,000
163	NGUYEN MINH PHUONG	638	541	300,000
164	NGUYEN LE THY TRANG	999	833	300,000
165	TRAN MINH TAM	692	157	300,000
166	VU DUY NHAT	708	775	300,000
167	LE VAN LUONG	546	520	300,000
168	NGUYEN THI LIEN HUONG	553	937	300,000
169	NGUYEN DUY THANH	097	758	300,000
170	NGUYEN THI KHANH HIEN	413	327	300,000
171	NGUYEN THU HIEN	631	199	300,000
172	VO THI EM	550	468	300,000
173	NGUYEN BAO NGOC	674	213	300,000
174	TRAN THI THANH THUY	806	150	300,000
175	PHAN THI MINH CHAU	958	771	300,000
176	NGUYEN THI KIM ANH	178	803	300,000
177	VO TRUC TUAN	325	990	300,000
178	PHAM THANH YEN	479	820	300,000
179	DO NGHIA NHAN	137	802	300,000
180	DO THI HUYEN DIEU	734	270	300,000
181	TRAN THI NGOC YEN	517	801	300,000
182	NGUYEN NGOC TU EM	673	601	300,000
183	HOANG PHAM CONG MINH	163	248	300,000
184	NGUYEN HUU KHUONG	004	341	300,000
185	HUYNH ANH TAN TAI	131	818	300,000
186	NGUYEN NGOC BAO NGAN	395	241	300,000
187	NGUYEN DUC THANH	240	307	300,000
188	HOANG VAN QUY	457	918	300,000
189	HO TUAN ANH	142	241	300,000
190	NGUYEN THI KIM TUYET	567	907	300,000
191	DANG HUU PHU	142	549	300,000
192	LE BICH VAN	686	455	300,000
193	MAI QUANG ANH	753	014	300,000
194	NGUYEN XUAN NGHIA	548	621	300,000
195	VU MY ANH	092	954	300,000
196	VU VAN TIEN DAT	488	837	300,000
197	VU VAN TINH	668	841	300,000
198	TRAN THI THUY PHUONG	441	078	300,000
199	LAC NGOC TRINH	208	649	300,000
200	NGUYEN TAN HOANG PHONG	739	522	300,000
201	LE THANH DAT	865	631	300,000
202	NGUYEN VAN CUNG	863	492	300,000
203	NGUYEN HOANG TAN	607	799	300,000
204	LE THI NGOC HUYEN	252	266	300,000
205	NGUYEN THI THUY HANG	071	882	300,000
206	TRAN NU NGOC HAN	286	868	300,000
207	TRANG THI CAM TIEN	641	254	300,000

208	VU THI HONG LUU	998	844	300,000
209	TRAN TRUNG KIEN	839	933	300,000
210	VU THI SAM	318	422	300,000
211	DO DINH HAN	370	690	300,000
212	PHAM THI KIM HOP	514	396	300,000
213	TRAN THI MAI HUONG	102	106	300,000
214	NGUYEN HA PHUONG	175	940	300,000
215	MONRO GRIER	548	491	300,000
216	NGUYEN THI MY LINH	991	504	300,000
217	DINH VAN DUNG	104	756	300,000